

Số: 37 /BC-CTK

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Một năm 2017

1. Sản xuất công nghiệp

Tháng Một năm nay rơi vào kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, do vậy sản xuất công nghiệp cũng đã ít nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố thời gian nghỉ tết và chu kỳ sản xuất sản phẩm cũng như tích lũy sản phẩm đáp ứng phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Kết quả sản xuất công nghiệp tháng Một năm 2017 dự kiến vẫn giữ nhịp ổn định tăng trưởng tuy có giảm hơn mức tăng trưởng của các tháng trước so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng Một giảm 13,5% so tháng trước (do kết thúc chu kỳ sản xuất hàng hóa phục vụ dịp tết Nguyên Đán và thời gian nghỉ tết cổ truyền), tăng 4,3% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng đạt 50,7% so tháng trước và đạt 13% so cùng kỳ. Ngành khai khoáng trên địa bàn thành phố Hà Nội chiếm tỷ trọng không đáng kể, chủ yếu ở hoạt động khai thác cát đá sỏi và đá núi, do chủ trương cấm triệt để việc khai thác cát đá sỏi trên sông ảnh hưởng đến dòng chảy và an toàn hệ thống đê điều, cùng với việc ngừng cấp phép khai thác một số mỏ đá núi và đóng cửa một số mỏ đá núi của Bộ Quốc Phòng đã thu hẹp phạm vi và ảnh hưởng đến hoạt động là yếu tố chính tác động khiến ngành khai thác sụt giảm mạnh. Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 13,7% và tăng 4,8%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước giảm 0,2% và tăng 1,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác, nước thải giảm 10,3% và giảm 3,5%. Do năm nay ở Hà Nội có lượng mưa tương đối thấp, cùng với việc Thành phố rà soát lại kinh phí trong hoạt động công ích, thậm chí tạm ngừng triển khai các công việc chưa đến mức cần thiết cấp bách... là yếu tố chủ yếu tác động khiến hoạt động ngành này chỉ dừng ở mức tăng trưởng thấp.

Trong đó, Chỉ số sản xuất của những ngành công nghiệp chủ lực (chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo) tuy sản xuất có giảm so với tháng trước (do ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ) song vẫn đạt mức tăng trưởng so với tháng Một cùng kỳ năm 2016, cụ thể một số ngành sản xuất có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung như: Sản xuất trang phục, tăng 7,7%; Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 16,7%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 23,1%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 4,8%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 12,9%; Sản xuất thiết bị điện tăng 8,7%; Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 19%... Bên cạnh đó, một số ngành sản xuất có chỉ số sản xuất giảm sút do yếu tố thời gian nghỉ Tết Nguyên đán tác động (kỳ nghỉ Tết cổ truyền năm nay vào

tháng Một, năm 2016 vào tháng Hai) như Dệt giảm 18,3%; sản xuất kim loại giảm 10,5%; sản xuất xe có động cơ giảm 12,3%;...

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu của thành phố Hà Nội ước tính tháng Một tăng so cùng kỳ như sau: Bia đóng chai tăng 2,6%; sổ sách, vở, giấy thép tăng 17,5%; Thuốc trừ sâu và các sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp tăng 20%; Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ tăng 12,3%; Bê tông trộn sẵn tăng 6%; Tấm lợp bằng kim loại tăng 5,6%... Một số sản phẩm giảm do chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ và tác động bởi chu kỳ tết như: Vải dệt kim hoặc móc khác giảm 20,1%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ giảm 3,8%; tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình giảm 21,4%;...

2. Vốn đầu tư

Ước tính vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Một đạt 1.896 tỷ đồng, bằng 94,8% so với cùng kỳ năm 2016 và bằng 62,2% so với thực hiện tháng 12/2016.

Vốn đầu tư thực hiện tháng Một thấp hơn tháng so tháng trước và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016 do trùng với dịp nghỉ Tết nguyên đán, đồng thời các dự án mới của năm cũng chưa được triển khai; chủ đầu tư chủ yếu tập trung vào khâu thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành, giải ngân nguồn vốn đã thực hiện được trong năm 2016.

Tháng Một, khánh thành tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đê Tả ngạn sông Hồng. Tuyến đường có chiều dài 1.565m, có điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Cừ, điểm cuối giao với đường Cổ Linh, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật; tạo sự liên thông giữa cầu Chương Dương, cầu Vĩnh Tuy, cầu Thanh Trì và tuyến đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng cũng như góp phần giảm thiểu ùn tắc giao thông cho đường Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Linh.

Tình hình thực hiện một số dự án:

- *Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá:* Đã hoàn thành 100% công tác bồi thường, đền bù, hỗ trợ về đất cho 320/320 phương án của các hộ dân. Các gói thầu xây lắp chính dự kiến sẽ thực hiện đấu thầu trong quý 1/2017. Trong quá trình thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn phát sinh như: các quy hoạch phân khu mới được phê duyệt; một số công trình xây dựng mới trong khu vực phạm vi của dự án không nằm trong quy hoạch chung của Thành phố,... ảnh hưởng đến quá trình lập, thiết kế kỹ thuật của dự án.

- *Dự án thoát nước Hà Nội - Dự án II:* Đến hết năm 2016, công tác giải phóng mặt bằng của dự án vẫn còn những tồn tại, chủ đầu tư đã có các văn bản phối hợp với UBND các Quận để tiếp tục thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ giải phóng mặt bằng đã được giao. Tiếp nhận phần mặt bằng đã hoàn thành thủ tục GPMB; Tiếp tục triển khai và hoàn thành các phương án GPMB còn tồn tại đồng thời quản lý, chống lấn chiếm phần mặt bằng này để tổ chức đầu tư, thực hiện trong thời gian tới; 16/16 gói thầu đã hoàn thành công tác thoát nước chính, đảm bảo mục tiêu về chất lượng; các gói thầu thuộc hạng mục bổ sung đã hoàn thành kết nối với hệ thống thoát nước hiện có và góp phần hoàn thiện hệ thống thoát nước lưu vực sông Tô Lịch.

- Dự án đường sắt đô thị (đoạn Nhổn - Ga Hà Nội): Chủ đầu tư đang phối hợp với các nhà thầu xây dựng đẩy nhanh tiến độ thi công các gói thầu xây lắp; đồng thời đơn đốc các nhà thầu di chuyển hệ thống viễn thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện, đẩy nhanh tiến độ để bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu thi công. Tiếp tục làm việc với các sở, ngành và chính quyền địa phương về công tác giải phóng mặt bằng và phương án di chuyển cây, hệ thống tín hiệu giao thông, biển báo tại các ga ngầm.

3. Thương mại dịch vụ

3.1. Nội thương

Tháng Một, tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 188.017 tỷ đồng, tăng 6,5% so tháng trước và tăng 9,3% so cùng kỳ (trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 44.386 tỷ đồng, tăng 7,3% và 11,6%). Trong đó: Kinh tế Nhà nước ước đạt 54.500 tỷ đồng, tăng 5,9% và 8,8%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 124.417 tỷ đồng, tăng 6,9% và 9,4%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.100 tỷ đồng, tăng 5,3% và 9,8%.

Tình hình chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức phục vụ Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 trên địa bàn Thành phố; để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn Thành phố đã xây dựng kế hoạch dự trữ và sản lượng hàng hoá phục vụ tết. Ước tính tổng lượng hàng hoá dự trữ tăng thêm của hệ thống phân phối, bán lẻ trên địa bàn Thành phố phục vụ thị trường trước, trong và sau tết Nguyên đán trị giá khoảng 23.000 tỷ đồng, tăng khoảng 10% so với kế hoạch dự trữ hàng hóa Tết năm 2016.

Dự kiến, số lượng hàng hóa chuẩn bị để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán 2017 gồm: Gạo 176.000 tấn; thịt lợn 30.600 tấn; thịt gà 12.800 tấn; thịt bò 9.200 tấn; trứng gia cầm 187,4 triệu quả; 183.400 tấn rau củ; thực phẩm chế biến 11.000 tấn; thủy hải sản 11.000 tấn; nông lâm sản khô khoảng 3.500 tấn; 3.000 tấn bánh mứt kẹo; 200 triệu lít, bia, rượu, nước giải khát; 120.000 m³ xăng và các mặt hàng về may mặc, điện máy.

Hà Nội dự kiến sẽ tổ chức 18 phiên chợ Việt, trên 300 chuyên hàng lưu động tại 18 huyện, thị xã và các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố, 4 tuần hàng Việt tại thị xã Sơn Tây, huyện Thanh Trì, huyện Quốc Oai, Thường Tín. Ngoài ra, sẽ tổ chức các Hội chợ Xuân, các chợ hoa xuân, chợ nông sản thực phẩm trên địa bàn Thành phố phục vụ nhân dân thăm quan, mua sắm phục vụ Tết.

3.2. Ngoại thương

- Xuất khẩu: Tháng Một, trị giá xuất khẩu đạt 861 triệu USD giảm 7,2% so tháng trước và tăng 3,6% so cùng kỳ năm 2016. Trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 717 triệu USD giảm 6,7% so tháng trước và tăng 0,3% so cùng kỳ năm trước. Trong tháng này, một số nhóm hàng xuất khẩu tăng khá so cùng kỳ là: linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi tăng 27,6%, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 39,8% so

cùng kỳ năm 2016. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh so cùng kỳ năm trước là hàng nông sản giảm 33,8%, giày dép các loại và sản phẩm từ da giảm 29,4%.

- Nhập khẩu: Tháng Một, trị giá nhập khẩu đạt 1.754 triệu USD giảm 27,4% so tháng trước, giảm 0,9% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 756 triệu USD giảm 27,5% so tháng trước và giảm 3,9% so cùng kỳ năm trước. Trong tháng Một, hầu hết kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng đều giảm so cùng kỳ năm trước, trong đó, giảm mạnh nhất là mặt hàng phân bón giảm 28,7% so cùng kỳ.

3.3. Vận tải

- Vận tải hàng hoá: Tháng Một, ước tính khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 51 triệu tấn tăng 1,4% so tháng trước và tăng 9,9% so cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 4.004 triệu tấn.km tăng 1% so tháng trước và tăng 12,7% so cùng kỳ năm trước. Doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 2.680 tỷ đồng tăng 1,2% so tháng trước, tăng 7,7% so cùng kỳ năm 2016.

- Vận tải hành khách: Tháng Một, số lượng hành khách vận chuyển đạt 83 triệu hành khách tăng 3,6% so tháng trước, tăng 9,4% so cùng kỳ năm trước. Số lượng hành khách luân chuyển ước đạt 1.931 triệu hành khách.km tăng 3,4% so tháng trước, tăng 15,2% so cùng kỳ. Doanh thu vận chuyển hành khách đạt 1.211 tỷ đồng tăng 5,9% so tháng trước và tăng 15,7% so cùng kỳ.

- Hoạt động hỗ trợ vận tải (cảng, bốc xếp,...) ước tính doanh thu đạt 2.318 tỷ đồng tăng 1,5% so tháng trước và tăng 9,2% so cùng kỳ năm 2016.

Tình hình chuẩn bị phục vụ Tết Nguyên đán:

Nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết, hiện nay các bến xe, nhà ga đã có kế hoạch tăng cường tàu xe, phương tiện vận tải.

Công ty cổ phần Bến xe Hà Nội đã lên kế hoạch tăng cường số lượng xe trong những ngày cao điểm. Cụ thể, tại bến xe Giáp Bát lượt xe dự kiến là 1.230 lượt/ngày, tăng 125% so với ngày thường chủ yếu là các tuyến Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá. Tại bến xe Mỹ Đình, dự kiến là 1.600 lượt xe/ngày. tập trung chủ yếu ở các tuyến đường Sơn La, Quảng Ninh, Phú Thọ... Tại bến xe Gia Lâm, lượt xe dự kiến là 890 xe, tăng 115% so với ngày thường chủ yếu tập trung ở các tuyến Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Cẩm Phả... Ngoài ra, công ty cổ phần bến xe Hà Nội còn phối hợp với các đơn vị Xí nghiệp kinh doanh vận tải Hà Nội và Tổng công ty vận tải Hà Nội để thuê bổ sung một số phương tiện vận tải dự phòng phục vụ tăng cường giải tỏa khách tại chỗ về bến quá đông, tránh ùn ứ cục bộ.

Tổng công ty Vận tải Hà Nội cũng đã lên kế hoạch vận tải hành khách bằng xe buýt phục vụ Tết Nguyên đán. Từ ngày 25/01/2017 đến hết ngày 02/02/2017, Tổng công ty bố trí dự phòng 24 xe/ngày với lượt xe tăng cường dự kiến là 51 lượt xe/ngày để sẵn sàng tăng cường giải tỏa khi lượng khách tăng đột biến.

Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội sẽ chạy thêm các tàu tăng cường tuyến Hà Nội - Vinh, Hà Nội - Đà Nẵng, Hà Nội - Lào Cai trong các ngày cao điểm trước và sau Tết.

Về hàng không: Hãng hàng không Vietnam Airlines (VNA) đã lên kế hoạch tăng chuyến bay cung ứng cho giai đoạn cao điểm Tết Nguyên đán từ ngày 15/1 đến ngày 13/2/2017. VNA sẽ bổ sung gần 900 chuyến bay, tương ứng hơn 185 nghìn ghế, nâng tổng số ghế cung ứng trên toàn mạng đường bay nội địa dịp cao điểm Tết Nguyên đán lên hơn 1,6 triệu ghế, tăng khoảng 13% so thường lệ và tăng 46% so cùng kỳ năm trước. Hãng Vietjet đã công bố mở bán 1,5 triệu vé dịp Tết với giá rẻ, áp dụng trên tất cả đường bay nội địa và quốc tế.

3.4. Du lịch

- Khách quốc tế: khách quốc tế đến lưu trú tại Hà Nội tháng Một ước đạt 308 nghìn lượt khách, giảm 5,4% so tháng trước và tăng 28,6% so cùng kỳ năm 2016.

Khách quốc tế lưu trú tại Hà Nội chia theo phương tiện đến như sau: bằng đường hàng không là 275 nghìn lượt người, tăng 30,9% so với cùng kỳ; đến bằng đường biển, đường bộ 33 nghìn lượt người, tăng 12% so cùng kỳ năm 2016.

- Khách nội địa: Khách nội địa đến Hà Nội đạt 813 nghìn lượt khách tăng 0,9% so tháng trước và tăng 5,5% so cùng kỳ năm 2016.

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 4.860 tỷ đồng tăng 2% so tháng trước và tăng 5,4% so cùng kỳ năm 2016.

Công tác chuẩn bị phục vụ Tết: các đơn vị du lịch đã xây dựng kế hoạch tổ chức các tour du lịch văn hoá, giới thiệu với khách tham quan du lịch về các Lễ hội văn hoá, các di tích lịch sử của Thủ đô.

4. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

4.1. Trồng trọt

Tính đến nay, diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ đông năm 2016- 2017 toàn Thành phố: 38.314 ha, giảm 8,9% so vụ đông năm trước. Trong đó, cây ngô 9.371 ha, giảm 6,3%; khoai lang 2.365 ha, giảm 12,4%; đậu tương 6.844 ha, giảm 35,4%; rau các loại 15.827 ha, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng vụ đông 2017 giảm do một số nguyên nhân sau:

- Sự phát triển của các ngành sản xuất, dịch vụ khác (các làng nghề, xã nghề) có thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp nên đã thu hút lượng lao động nông nghiệp chuyển sang các ngành này.

- Giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao nên hiệu quả của sản xuất vụ đông giảm.

- Diện tích thu hoạch lúa mùa bằng máy đã gây khó khăn cho việc trồng cây đậu tương.

- Một bộ phận nông dân chưa thực sự coi trọng vụ đông, trồng cây vụ đông theo kiểu làm theo phong trào, trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của nhà nước, thiếu chủ động.

Hiện nay, các quận, huyện, thị xã đang tập trung hướng dẫn các địa phương làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, thu hoạch cây vụ đông và chỉ đạo làm đất chuẩn bị cho việc gieo mạ Xuân năm 2017 để đảm bảo 100% kế hoạch cấy trong khung thời vụ tốt nhất. Tính đến nay, diện tích mạ đã gieo là 30 ha, đạt 5% kế hoạch.

- Diện tích cây màu vụ đông đã thu hoạch đạt 80,5% tổng diện tích gieo trồng cây vụ đông. Trong đó: Ngô 6.419 ha, đạt 68,5% diện tích; khoai lang 1.842 ha, đạt 77,9%; khoai sọ 47 ha, đạt 80,2%; đậu tương 6.218 ha, đạt 90,9%; lạc 252 ha, đạt 73,7%; rau các loại 13.081 ha, đạt 82,7% diện tích. Đến nay, các loại cây trồng vụ đông đang tiếp tục khẩn trương thu hoạch để tạo chân ruộng cho sản xuất vụ xuân.

Các Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi đang tập trung nạo vét kênh mương, nâng cấp, sửa chữa hệ thống bơm tưới đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Chuẩn bị nhân lực, máy móc, thiết bị lấy nước đổ ải khi các hồ thủy điện xả nước, để có nước làm đất gieo trồng vụ xuân, đồng thời lập kế hoạch tưới cho những vùng khó khăn, có tính đặc thù riêng, tăng cường tích trữ nước đảm bảo cho việc đổ ải tưới dưỡng lúa và các cây trồng sau gieo cấy...

4.2. Chăn nuôi

Tháng Một, số lượng đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định ước tính: Số trâu hiện có 23.972 con, giảm 4,4% so với cùng kỳ; số bò hiện gần 136 nghìn con, giảm 4,3% (trong đó, bò sữa có 15.385 con, tăng 7% so với cùng kỳ 2016); đàn lợn hiện có 1.746 nghìn con, tăng 29,6%; đàn gia cầm có khoảng 27,6 triệu con (trong đó, đàn gà có khoảng 18,4 triệu con). Tại thời điểm này các địa phương đang tích cực đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho đàn gia súc, gia cầm, chủ động dự trữ thức ăn, tích cực chuẩn bị nguồn thực phẩm phục vụ nhu cầu của nhân dân trước và sau Tết cổ truyền Đinh Dậu.

Hiện tại, trên địa bàn Thành phố, tình hình dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như dịch cúm gia cầm, bệnh tai xanh, lở mồm long móng và các bệnh truyền nhiễm thông thường không xảy ra, cơ bản ổn định. Các quận, huyện, thị xã tiếp tục tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Kết quả tiêm phòng bổ sung vắc xin tính đến ngày 12/01/2017 như sau: Vắc xin 4 bệnh đỏ: 55.563 lượt con; trong đó dịch tả lợn: 20.653 lượt con; vắc xin tai xanh: 1.794 lượt con; vắc xin lở mồm long móng ở lợn: 205 lượt con; vắc xin cúm gia cầm: 10.700 lượt con; vắc xin dại: 195 lượt con; vắc xin THT trâu bò: 110 lượt con.

4.3. Lâm nghiệp

Trong tháng Một đang là mùa hanh khô nên trên địa bàn không có phát sinh diện tích trồng rừng mới. Tình hình khai thác gỗ và lâm sản ước đạt 900 m³. Sản lượng gỗ khai thác chủ yếu từ rừng trồng. Sản lượng củi khai thác ước đạt 3.600 ste. Trên địa bàn Thành phố không có vụ chặt phá rừng trái phép nào xảy ra. Đã phát hiện xử lý 01 vụ vi phạm lâm luật, tịch thu được 750.000 đồng nộp ngân sách.

Thành phố đã xảy ra 1 vụ cháy rừng thực bì dưới tán tại xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn do Trung tâm phát triển Lâm nghiệp Hà Nội quản lý. Diện tích hiện trường cháy khoảng 0,3 ha; cháy thực bì dưới tán rừng thông cấp tuổi 5.

4.4. Thủy sản

Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đầu tư thức ăn và nuôi thả bổ sung diện tích sau khi đã thu hoạch sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và sau dịp tết Nguyên đán, đồng thời, tranh thủ các đợt xả nước của hồ thủy điện Hòa Bình, tăng cường tích

trữ nước, đầu tư thức ăn và thả các loại cá chịu rét tốt. Các cơ sở sản xuất thủy sản thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Diện tích nuôi thả trong tháng Một ước đạt 1.900 ha, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do thời tiết khô hạn từ đầu năm đến nay chưa có đợt mưa lớn nào nên các ao, hồ mực nước rất thấp. Sản lượng thủy sản trong tháng ước tính 7.900 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thu hoạch trong tháng: 7.764 tấn, tăng 0,6%; sản lượng thủy sản khai thác 136 tấn, giảm 24,4% so với cùng kỳ.

5. Các vấn đề xã hội

5.1. Trật tự xã hội, an toàn giao thông

Theo số liệu tổng hợp của Công an thành phố Hà Nội. Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố năm 2016 như sau:

****) Số vụ phạm pháp:***

- Đã phát hiện 4.755 vụ phạm pháp hình sự, giảm 7,6% so với năm 2015, trong đó có 3.759 vụ do công an khám phá, giảm 6,9% so cùng kỳ; số đối tượng bị bắt giữ theo Luật là 5.496 người, giảm 1,9% so với năm 2015.

- Đã phát hiện 2.401 vụ phạm pháp kinh tế, tăng 18,2% so với năm 2015, số đối tượng phạm pháp là 2.506 người, tăng 17,3% so với năm 2015. Năm 2016 thu nộp ngân sách gần 974 tỷ đồng.

- Đã phát hiện và xử lý 6.027 vụ vi phạm về môi trường, tăng 35,9%; với 6.246 đối tượng, tăng 36,8%; xử phạt hành chính 32.787 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2015.

****) Tệ nạn xã hội:***

- Trong năm 2016 đã xử lý hình sự 495 vụ cờ bạc, giảm 5% so với năm 2015, số đối tượng bị bắt giữ 2.615 người, giảm 7,8% so với năm 2015.

- Số vụ mại dâm bị xử lý hình sự trong năm có 167 vụ, giảm 9,7% so với năm 2015. Số đối tượng bị bắt giữ 184 người, giảm 11,5% so với năm 2015.

- Tổng số vụ buôn bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy bị xử lý hình sự trong năm 2016: 2.403 vụ, tăng 6,2% so với năm 2015, số đối tượng 2.818 người, tăng 5,8% so với năm 2015.

****) Trật tự an toàn giao thông:***

Năm 2016 Toàn Thành phố đã xảy ra 1.552 vụ tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, làm 594 người chết và 1.306 người bị thương. Trong đó, đường bộ 1.523 vụ, làm 562 người chết và bị thương 1.302 người.

5.2. Công tác thực hiện chính sách thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán

UBND Thành phố đã ra Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 quy định mức và kinh phí tặng quà tới một số đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017. Ngày 12/1/2017, Sở Lao động thương binh và xã hội đã ban hành hướng dẫn các quận, huyện tặng quà của Chủ tịch Nước, quà Thành phố. Số lượng và mức tặng quà các đối tượng cụ thể như sau:

- 138.737 người có công với cách mạng với 2 mức 300.000 đồng/người và 500.000 đồng/người, tổng kinh phí 59 tỷ đồng.
- 45.939 hộ nghèo mức 300.000 đồng/hộ, tổng kinh phí gần 14 tỷ đồng.
- 108.863 người cao tuổi, tổng kinh phí 56,3 tỷ đồng.
- 515.635 cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức mức 300.000 đồng/người, tổng kinh phí 155 tỷ đồng.
- 1.000 cán bộ công nhân viên chức lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mức 500.000 đồng/người, tổng kinh phí 500 triệu đồng.
- 60 gia đình người có công tiêu biểu, tổng kinh phí 66 triệu đồng
- Bồi dưỡng cho cán bộ và bổ sung tiền ăn thêm trong dịp Tết cho 7.449 cán bộ và đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung tại các đơn vị của Sở Y tế, Sở LĐTBXH, Trung tâm Lao động hướng nghiệp thanh niên Hà Nội với mức 200.000 đồng/cán bộ và 100.000 đồng/đối tượng, tổng kinh phí 1.075 triệu đồng.

Tổng số có 810.234 người được tặng quà của Thành phố, 7.449 cán bộ và đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung được bồi dưỡng và bổ sung tiền ăn, tổng kinh phí tặng quà theo quyết định của Thành phố là 286 tỷ đồng.

Hiện các đơn vị, quận, huyện bắt đầu triển khai tặng quà tới các đối tượng. Từ ngày 13/1/2017, các đoàn của Thành phố cũng bắt đầu tổ chức đi thăm, tặng quà người có công, các đối tượng chính sách xã hội. Dự kiến việc tặng quà sẽ hoàn thành trước 20/1/2017 (tức ngày 23 Tháng Chạp).

6. Tín dụng ngân hàng, thị trường chứng khoán

6.1. Tín dụng ngân hàng

Tổng nguồn vốn huy động tháng Một ước đạt 1.650 nghìn tỷ đồng, tăng 0,3% so tháng 12/2016. Trong đó: Tiền gửi đạt 1.531 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% (tiền gửi tiết kiệm tăng 0,4%, tiền gửi thanh toán tăng 0,1%); phát hành giấy tờ có giá đạt 119 nghìn tỷ, tăng 1,2%.

Tháng Một, tổng dư nợ cho vay ước đạt 1.470 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so tháng 12/2016. Trong đó: Dư nợ ngắn hạn đạt 827 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4%; dư nợ trung và dài hạn đạt 643 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6%. Trong tổng dư nợ cho vay, dư nợ bằng VNĐ chiếm 91,4%.

6.2. Thị trường chứng khoán

Tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục có những tín hiệu khả quan, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2016 đang được các nhà đầu tư kỳ vọng có bước tăng trưởng mạnh mẽ, dòng tiền được luân chuyển nhanh giữa các nhóm cổ phiếu đã làm cho tính thanh khoản của thị trường có những diễn biến tích cực.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 17.1, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 824 doanh nghiệp niêm yết (trong đó, tại HNX có 379 doanh nghiệp niêm yết; tại Upcom có 445 doanh nghiệp đăng ký giao dịch), với giá trị niêm yết đạt 275 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% so đầu năm (trong đó,

HNX đạt 110 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4%; Upcom đạt 165 nghìn tỷ đồng, tăng 26,7%). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 565 nghìn tỷ đồng, tăng 24,2% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 157 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4%; Upcom đạt 408 nghìn tỷ đồng, tăng 34,6%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Kết thúc phiên giao dịch ngày 17.1, chỉ số HNX Index đạt 83,9 điểm, tăng 3,8 điểm, tương đương mức tăng 4,8% so đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 150 điểm, tăng 6,7 điểm, tương đương mức tăng 4,6% so đầu năm).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Một, khối lượng giao dịch đạt 298 triệu CP được chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng đạt 3.077 tỷ đồng (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 263 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 2.671 tỷ đồng; giao dịch thỏa thuận đạt lần lượt là 35 triệu CP và 406 tỷ đồng). Bình quân một phiên giao dịch có 27,1 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển bình quân đạt 280 tỷ đồng, bằng 65% về khối lượng và 67% về giá trị so bình quân chung tháng 12 năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom): Kết thúc phiên giao dịch ngày 17.1, chỉ số Upcom Index đạt 53 điểm, giảm 0,8 điểm, tương đương mức giảm 1,5% so đầu năm (chỉ số Upcom Premium đạt 97,65 điểm, giảm 2,1 điểm, tương đương mức giảm 2,1%).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng 1, khối lượng giao dịch đạt 88 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 1.618 tỷ đồng, bằng 72% về khối lượng và 75% về giá trị so bình quân chung tháng 12 năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và tài khoản của nhà đầu tư:

Trong tháng Mười hai, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 153 mã giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài (trong đó, tổ chức 37; cá nhân 116). Tính chung cả năm 2016, VSD đã cấp mới được 1.750 mã số giao dịch, tăng 109% so năm trước (trong đó, tổ chức 354, tăng 68%; cá nhân 1.396, tăng 340% so năm 2015), đưa tổng số mã VSD đã cấp đạt 20.259 mã giao dịch (trong đó, tổ chức 3.152; cá nhân 17.107).

Số tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư được cấp mới trong tháng Mười hai đạt 22.654 tài khoản (trong đó: Nhà đầu tư trong nước 22.476 tài khoản; nước ngoài 178 tài khoản). Lũy kế từ đầu năm, số tài khoản của các NĐT được cấp mới đạt 179.414 tài khoản, tăng 34,9% so năm 2015, đưa tổng số tài khoản của các NĐT hiện có đến ngày 31/12/2016 đạt 1.712 nghìn tài khoản.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 12/2016		Ước tính tháng 01/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 12/2015	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 01/2016	
Toàn ngành	150.63	111.88	130.42	104.26	104.26
<i>Khai khoáng</i>	14.88	26.45	7.54	12.97	12.97
- Khai khoáng khác	14.88	26.45	7.54	12.97	12.97
<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	151.03	112.72	130.26	104.84	104.84
- Sản xuất chế biến thực phẩm	159.58	128.95	143.91	102.55	102.55
- Sản xuất đồ uống	64.13	124.82	40.29	103.66	103.66
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	167.24	107.70	129.53	99.44	99.44
- Dệt	91.10	102.44	76.58	81.71	81.71
- Sản xuất trang phục	270.08	101.46	258.38	107.73	107.73
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	35.86	25.98	41.50	35.31	35.31
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	166.76	125.60	141.26	116.74	116.74
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	80.80	93.26	74.22	102.05	102.05
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	390.00	137.39	385.33	123.06	123.06
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	134.40	101.38	135.57	104.81	104.81
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	69.47	105.56	57.29	112.85	112.85
- Sản xuất kim loại	67.50	93.80	55.69	89.51	89.51
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	78.26	92.19	56.58	82.52	82.52
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	70.62	97.25	63.72	95.16	95.16
- Sản xuất thiết bị điện	101.94	122.15	79.86	108.65	108.65

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 12/2016		Ước tính tháng 01/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 12/2015	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 01/2016	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	49.48	99.07	40.84	81.10	81.10
- Sản xuất xe có động cơ	196.05	100.52	158.49	87.47	87.47
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	315.72	132.07	264.37	119.04	119.04
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	753.88	191.56	504.69	103.99	103.99
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	159.21	100.77	158.94	101.90	101.90
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	159.21	100.77	158.94	101.90	101.90
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	148.52	99.72	133.24	96.55	96.55
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	147.09	97.80	145.90	101.70	101.70
- Thoát nước và xử lý nước thải	197.46	97.96	144.18	84.89	84.89
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	107.47	107.47	103.47	102.30	102.30

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
				<u>T01/2017</u> <u>T12/2016</u>	<u>T01/2017</u> <u>T01/2016</u>
- Bánh và kẹo các loại	Tấn	2769	2767	99.0	99.9
- Bia các loại	1000 Lít	9589	9837	60.4	102.6
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	91307	90800	77.5	99.4
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	179	143	80.3	79.9
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	122	92	93.9	75.4
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	3617	4565	143.2	126.2
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	1936	1269	80.4	65.5
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy, quần dài, quần soóc cho trẻ em không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	926	1252	68.2	135.2
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	2778	4210	78.1	151.5
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái	1250	655	103.6	52.4
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	9381	9026	95.1	96.2
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	5193	4242	91.6	81.7
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	1972	1915	107.8	97.1
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	2462	2350	86.7	95.5
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 Chiếc	7371	6454	104.2	87.6
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	215	268	80.7	124.7
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	4044	4753	88.5	117.5
- Phân bón các loại	Tấn	30057	17182	79.5	57.2
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	539	647	109.1	120.0
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	179	136	96.5	76.0
- Dược phẩm khác chưa phân vào đầu	Kg	264438	199414	96.9	75.4
- Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	785	926	99.4	118.0
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều	21765	58894	100.0	270.6
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	57754	48931	79.7	84.7
- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	106	119	99.2	112.3

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
				<u>T01/2017</u> <u>T12/2016</u>	<u>T01/2017</u> <u>T01/2016</u>
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	159	153	105.5	96.2
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	109905	116481	52.7	106.0
- Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	9784	10331	76.8	105.6
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	31557	12631	83.3	40.0
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu	Cái	423268	352000	90.7	83.2
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	168	146	94.2	87.0
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đâu	1000 Cái	1167	1271	86.5	109.0
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	3520	3316	76.9	94.2
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng các loại	Chiếc	124	198	56.7	159.7
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	3122	3022	101.2	96.8
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	41	27	87.1	65.9
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	30	7	116.7	23.3
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	58774	46171	63.8	78.6
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125W	1000 Cái	109	22	107.8	20.5
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chơ được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	809	868	91.5	107.3
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston các loại	Chiếc	981	818	61.8	83.4
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	495	467	89.6	94.2
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	31623	34164	95.0	108.0
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50 cc nhưng = 250cc	Chiếc	93729	99069	86.6	105.7
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	9906	12312	82.8	124.3
- Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	10097	10560	93.4	104.6
- Giường bằng gỗ các loại	Chiếc	30526	18500	91.8	60.6
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	38972	33579	86.4	86.2
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	544035	578684	65.9	106.4
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1158	1180	99.8	101.9
- Nước uống được	1000 M ³	19597	19930	99.2	101.7

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
			<u>T 01/2017</u> <u>T 12/2016</u>	<u>T 01/2017</u> <u>T 01/2016</u>
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	172074	188017	106.5	109.3
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	50091	54500	105.9	108.8
+ Kinh tế ngoài nhà nước	113694	124417	106.9	109.4
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	8289	9100	105.3	109.8
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	126957	140600	106.9	110.7
+ Khách sạn - nhà hàng	3924	4150	102.2	105.8
+ Du lịch lữ hành	689	710	100.4	103.0
+ Dịch vụ	40504	42557	105.9	105.1
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	39781	44386	107.3	111.6
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	5577	6100	106.3	109.4
+ Kinh tế ngoài nhà nước	29873	33486	107.6	112.1
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4331	4800	106.3	110.8
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	20349	23100	109.7	113.5
+ Khách sạn - nhà hàng	3923	4150	102.2	105.8
+ Du lịch lữ hành	689	710	100.4	103.0
+ Dịch vụ	14820	16426	105.7	110.8
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	14.0	13.7	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.1	75.5	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.9	10.8	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% so sánh	
			$\frac{T\ 01/2017}{T\ 12/2016}$	$\frac{T\ 01/2017}{T\ 01/2016}$
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	831	861	92.8	103.6
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>715</i>	<i>717</i>	<i>93.3</i>	<i>100.3</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	150	158	90.7	105.6
- Kinh tế ngoài nhà nước	211	228	92.0	108.0
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	470	475	93.9	101.0
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	98	65	86.7	66.2
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>29</i>	<i>28</i>	<i>98.6</i>	<i>95.1</i>
+ Cà phê	32	18	97.7	57.4
+ Hạt tiêu	8	7	92.7	86.2
+ Chè	6	8	96.9	133.9
- Hàng may, dệt	138	120	92.8	87.2
- Giày dép các loại và SP từ da	25	18	97.0	70.6
- Hàng điện tử	41	43	91.5	105.4
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	98	125	90.6	127.6
- Hàng thủ công mỹ nghệ	16	14	90.6	88.5
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	38	46	91.7	120.9
- Máy móc thiết bị phụ tùng	91	128	98.1	141.1
- Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	32	28	93.0	88.1
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	48	67	94.5	139.8
- Hàng hoá khác	206	207	92.9	100.1

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
			$\frac{T\ 01/2017}{T\ 12/2016}$	$\frac{T\ 01/2017}{T\ 01/2016}$
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	1769	1754	72.6	99.1
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	787	756	72.5	96.1
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	1080	1087	72.8	100.7
- Kinh tế ngoài nhà nước	295	309	72.6	104.7
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	394	358	72.3	90.7
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	430	427	62.4	99.3
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	577	572	73.0	99.2
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	93	92	76.9	99.4
<i>+ Phân bón</i>	36	26	97.2	71.3
<i>+ Hoá chất</i>	24	23	79.0	98.9
<i>+ Chất dẻo</i>	54	53	77.9	99.7
<i>+ Xăng dầu</i>	148	147	54.4	99.8
- Hàng hoá khác	762	755	79.7	99.0

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Thực hiện tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
			$\frac{T\ 01/2017}{T\ 12/2016}$	$\frac{T\ 01/2017}{T\ 01/2016}$
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	5658	6209	102.2	109.7
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	1125	1209	101.4	107.5
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	3799	4197	102.5	110.5
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	734	803	101.6	109.4
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	2489	2680	101.2	107.7
+ Vận tải hành khách	1046	1211	105.9	115.7
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, b.xếp, đại lý vận tải...)	2123	2318	101.5	109.2
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	46	51	101.4	109.9
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.Km)	3554	4004	101.0	112.7
- Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu HK)	76	83	103.6	109.4
- Số lượt HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1677	1931	103.4	115.2

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

	Đơn vị tính	Chính thức tháng 01/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh
I. Nông nghiệp				
1. Trồng trọt				
Tổng diện tích gieo trồng vụ đông cây hàng năm	Ha	42074	38314	91.1
<i>Trong đó:</i>				
- Ngô	"	10004	9371	93.7
- Khoai lang	"	2698	2365	87.7
- Đậu tương	"	10586	6844	64.7
- Rau các loại	"	14696	15827	107.7
2. Chăn nuôi				
- Đàn Trâu	1000 con	25	24	95.7
- Đàn Bò	"	142	136	95.7
- Đàn Lợn	"	1348	1746	129.5
- Đàn gia cầm	Triệu con	25	28	108.4
II. Lâm nghiệp				
- Sản lượng gỗ khai thác	M ³	1000	900	90.0
- Sản lượng củi khai thác	Ste	3900	3600	92.3
III. Thủy sản				
- Diện tích thủy sản nuôi thả	Ha	1940	1900	97.9
- Sản lượng thủy sản	Tấn	7120	7900	111.0

TÌNH HÌNH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% So sánh
1. Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	5148	4755	92.4
<i>Trong đó:</i>				
- Số vụ khám phá	Vụ	4037	3759	93.1
- Đối tượng bị bắt giữ	người	5604	5496	98.1
2. Tội phạm pháp kinh tế				
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	2031	2401	118.2
- Đối tượng bị bắt giữ	người	2137	2506	117.3
3. Tội phạm ma túy				
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	2834	2900	102.3
- Đối tượng bị bắt giữ	người	3647	3733	102.4
4. Tội phạm môi trường				
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	4436	6027	135.9
- Đối tượng bị bắt giữ	người	4566	6246	136.8

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 12/2016	Ước tính tháng 01/2017	% So sánh	
			$\frac{T\ 12/2016}{T\ 11/2016}$	$\frac{T\ 01/2017}{T\ 12/2016}$
I. Nguồn vốn huy động	1644412	1649521	100.5	100.3
1. Tiền gửi	1526813	1530513	100.1	100.2
- Tiền gửi tiết kiệm	586255	588545	100.0	100.4
- Tiền gửi thanh toán	940558	941968	100.1	100.1
2. Phát hành giấy tờ có giá	117599	119008	107.3	101.2
Trong đó: Đồng Việt Nam	117460	118887	107.3	101.2
II. Tổng dư nợ	1462801	1470115	104.0	100.5
- Dư nợ ngắn hạn	823697	827217	104.9	100.4
- Dư nợ trung và dài hạn	639104	642898	102.9	100.6

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150